CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Thác Bà

Ngày 30/09/2025	38,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.9%	**0.9%**	**-1.7%**

DT thuần
Q3/25
174
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 12.3%
YoY: ▼19.0| -9.8%

LN thuần
Q3/25
93.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.10| -0.1%
YoY: ▼25.5| -21.4%

LN sau thuế
Q3/25
81.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.90| -1.1%
YoY: ▼18.2| -18.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
54.7%
YoY: +/-▼ 7.0%

ROE (TTM)
Q3/25
13.5%
YoY: +/-▼ 2.0%

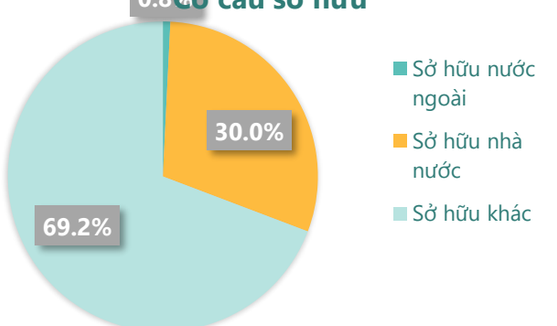
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	36,000 - 41,475
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,413
Số lượng CPLH (CP)	63,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,705
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.22
EPS	3,062
P/E	12.4

DT thuần
9T 2025
431
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 29.0| 7.1%

LN thuần
9T 2025
234
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 11.0%

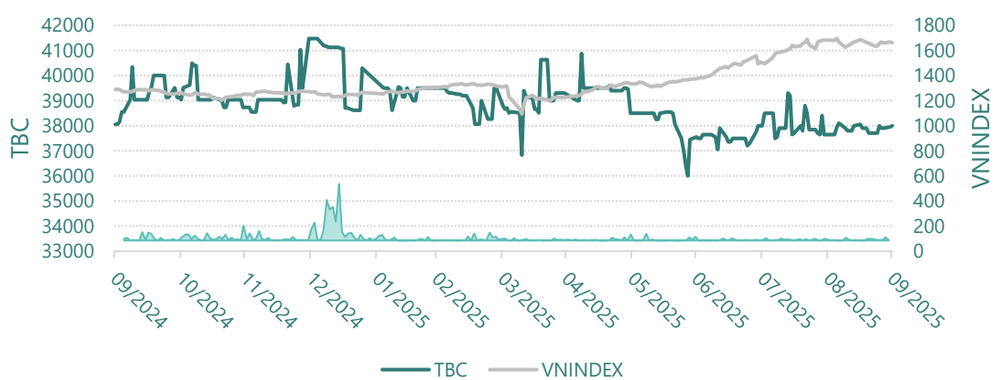
LN sau thuế
9T 2025
203
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0| 13.0%

Cơ cấu sở hữu

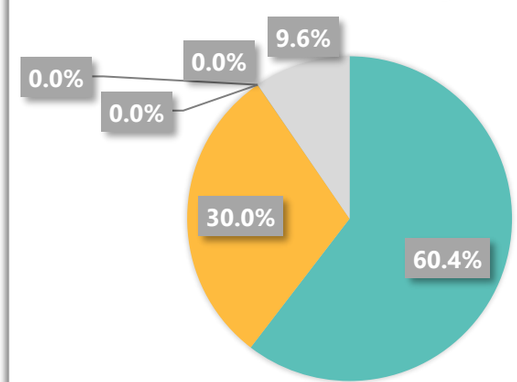


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

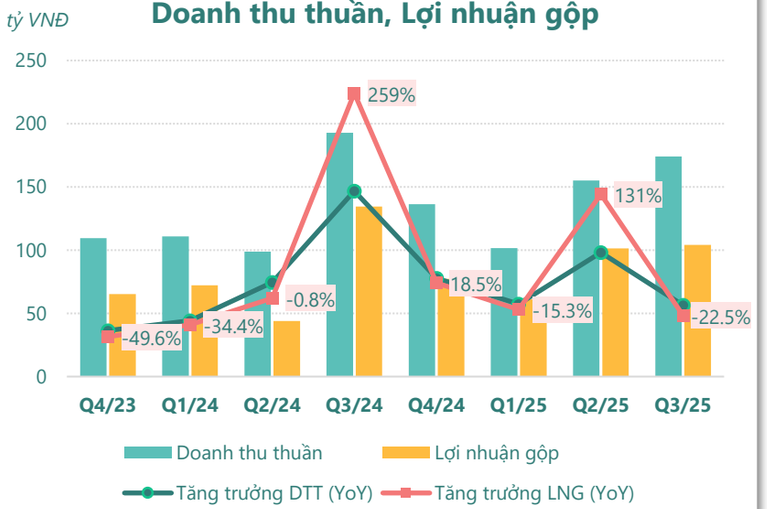


- Công ty TNHH Năng lượng REE
- Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP
- Nguyễn Thị Lục
- Bùi Hoàng (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Hoài Linh (Đại diện công bố thông tin)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

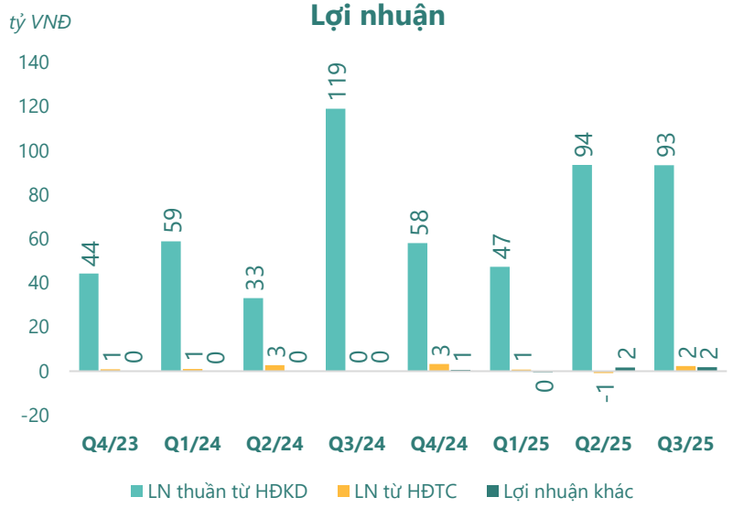
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



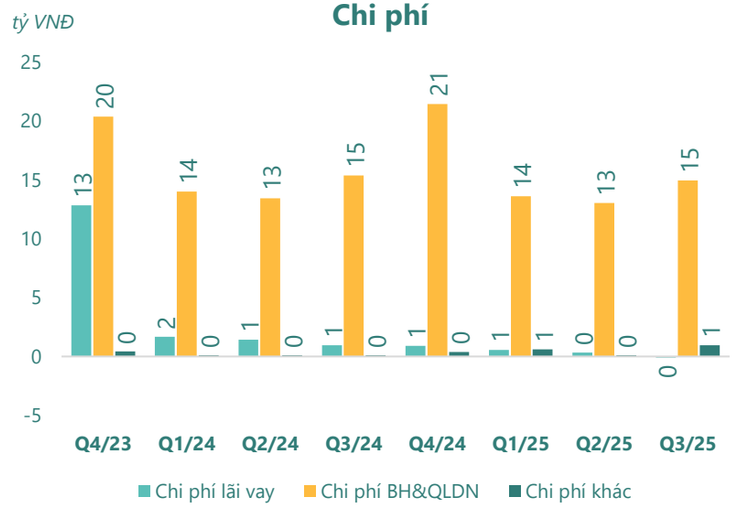
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



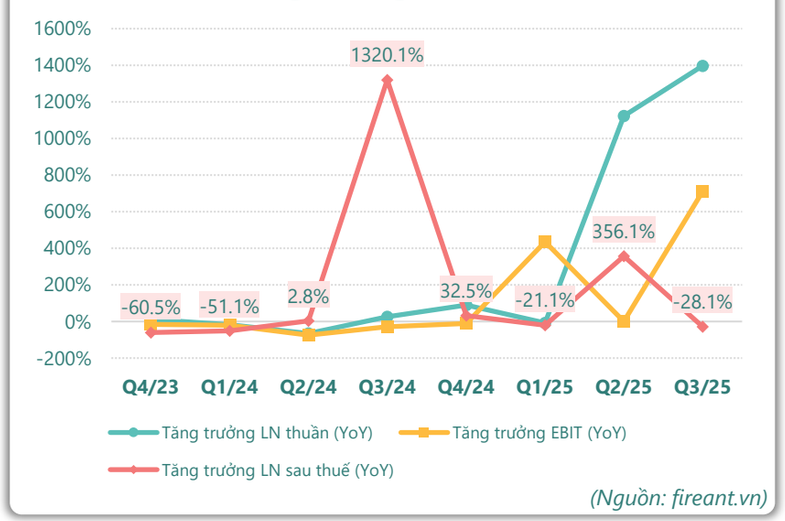
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



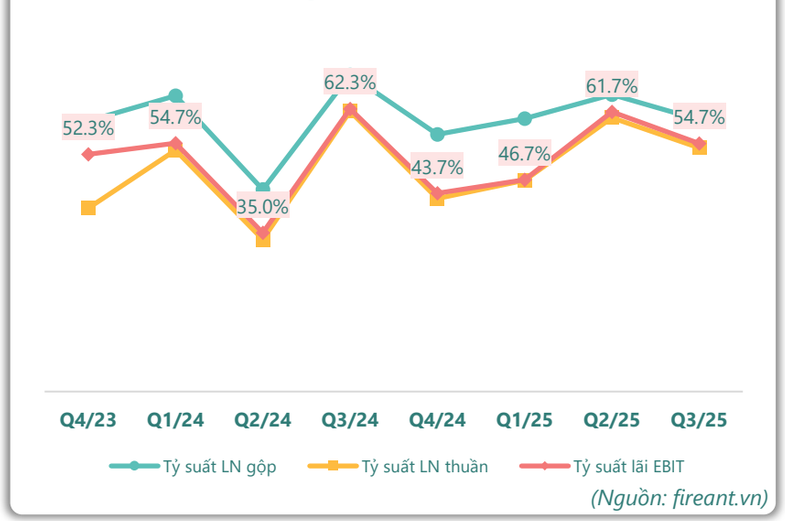
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

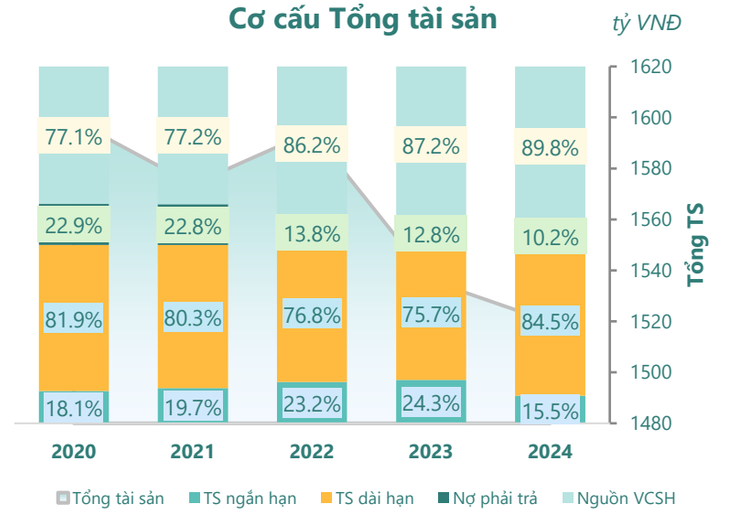
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

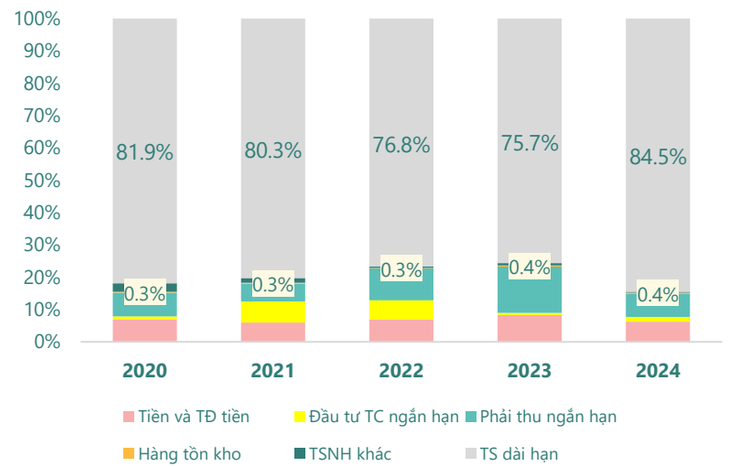
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



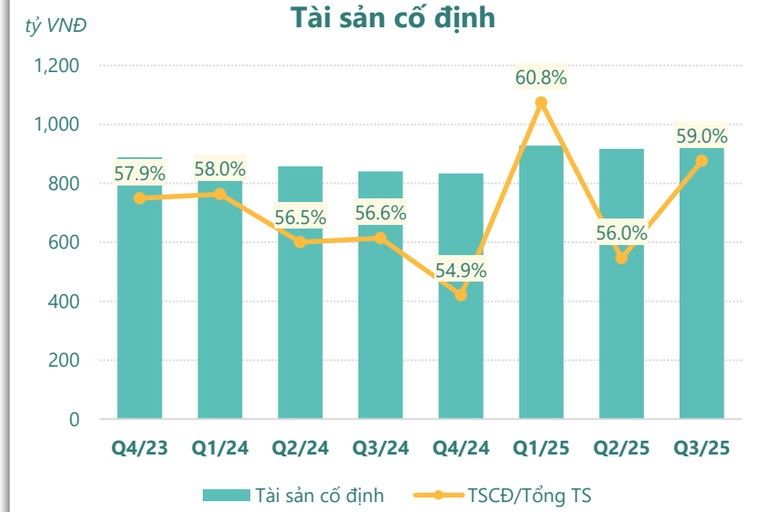
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



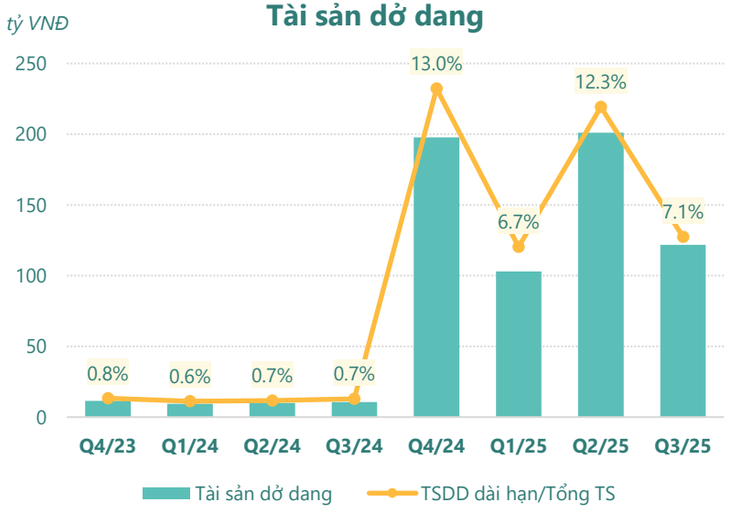
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



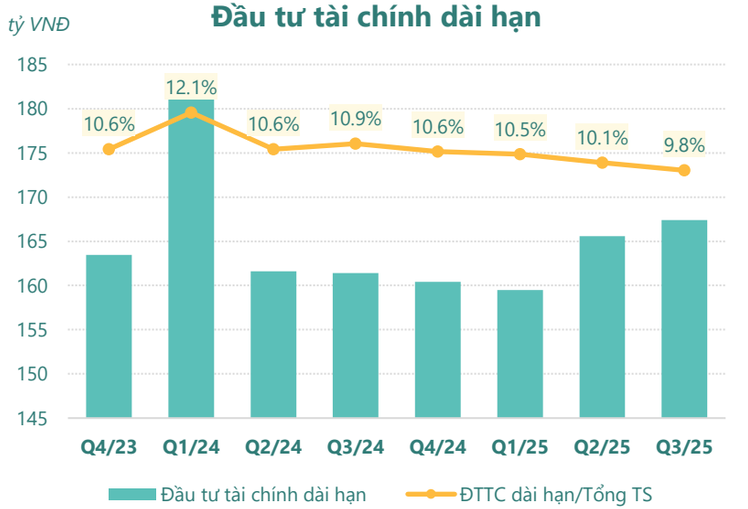
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



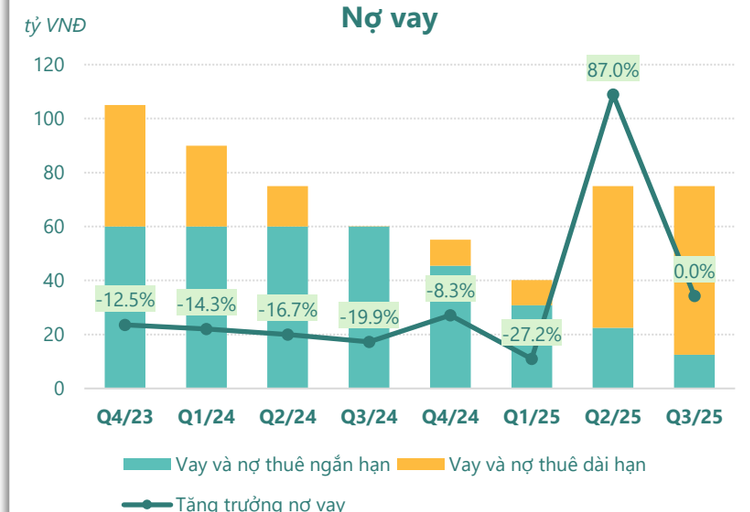
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

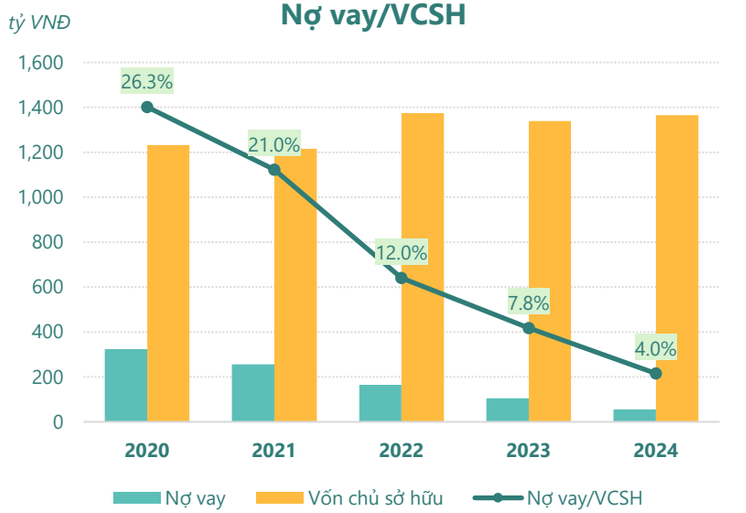
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



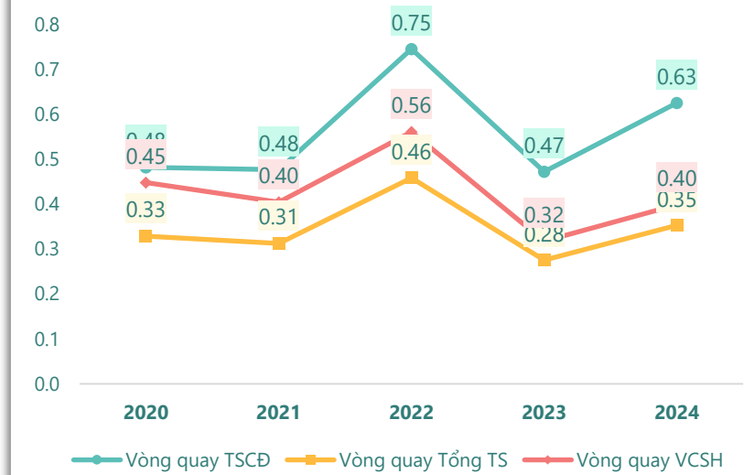
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



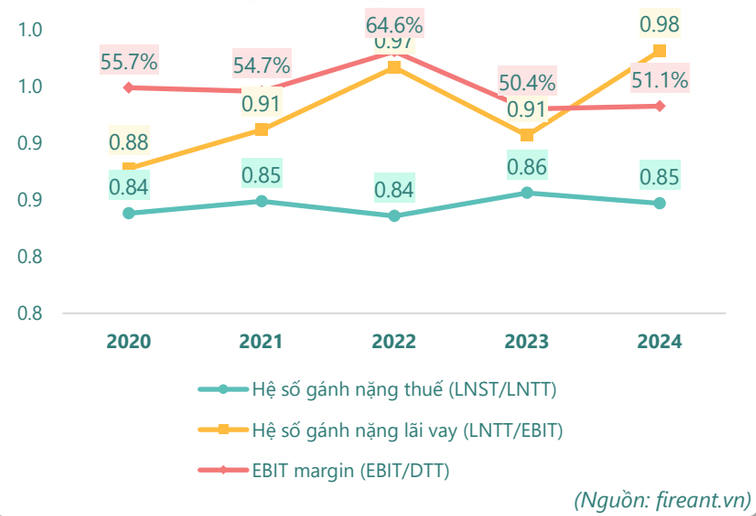
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



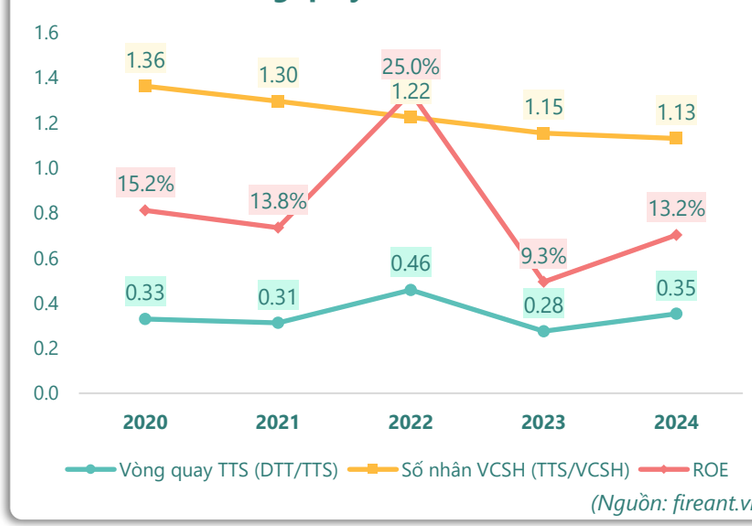
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



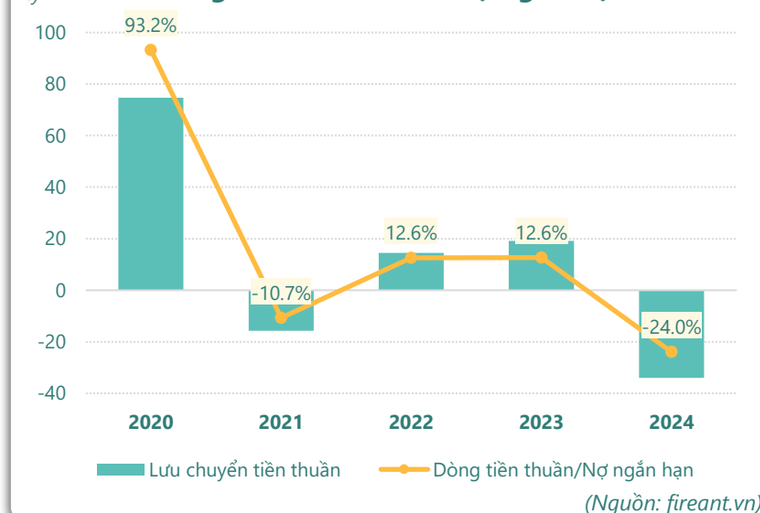
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**174**	**193**	**-9.8%**	**431**	**402**	**7.1%**
Giá vốn hàng bán	69.8	58.2	19.9%	164	152	8.1%
Lợi nhuận gộp	104	135	-22.8%	267	251	6.4%
Doanh thu HĐTC	2.41	1.31	84.1%	5.47	8.18	-33.1%
Chi phí TC	0.05	1.17	-95.5%	3.30	4.30	-23.2%
Chi phí lãi vay	-0.08	0.97	-108%	0.82	4.07	-79.8%
LN trong công ty LKLD	**1.83**	**-0.21**	**970%**	**6.99**	**-0.62**	**1223%**
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**15.0**	**15.4**	**-2.7%**	**41.7**	**42.9**	**-2.9%**
LN thuần từ HĐKD	93.5	119	-21.4%	234	211	11.0%
Lợi nhuận khác	**1.85**	**0.07**	**2537%**	**3.08**	**0.12**	**2363%**
LN trước thuế	95.3	119	-19.9%	238	211	12.4%
Lợi nhuận sau thuế	**81.1**	**99.3**	**-18.4%**	**203**	**180**	**13.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**65.3**	**84.6**	**-22.8%**	**155**	**138**	**11.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	44.6	168	92.3	76.8	102	120
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.97	-18.7	-101	-34.8	-120	-31.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-24.5	-157	-5.25	-50.4	-3.21	-20.7
Tiền đầu kỳ	104	115	108	94.3	86.0	65.0
Lưu chuyển tiền thuần	**11.1**	**-7.09**	**-14.0**	**-8.31**	**-21.0**	**68.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	115	108	94.3	86.0	65.0	133

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,707**	**1,520**	**12.3%**
Tài sản ngắn hạn	278	235	18.0%
Tiền và tương đương tiền	133	94.3	41.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.7	22.0	-37.7%
Phải thu ngắn hạn	121	110	9.5%
Hàng tồn kho	6.56	5.34	22.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.70	3.75	-1.4%
Tài sản dài hạn	**1,429**	**1,284**	**11.2%**
Phải thu dài hạn	60.5	10.0	505%
Tài sản cố định	1,007	834	20.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	122	198	-38.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	167	160	4.4%
Tài sản dài hạn khác	**4.78**	**3.30**	**44.9%**
Lợi thế thương mại	66.9	79.2	-15.5%
Nợ phải trả	195	155	26.1%
Nợ ngắn hạn	**129**	**142**	**-9.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.5	45.4	-72.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	27.1	27.0	0.2%
Nợ dài hạn	66.8	13.2	407%
Vay và nợ thuê dài hạn	62.5	9.68	546%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,511**	**1,365**	**10.7%**
Vốn chủ sở hữu	**1,511**	**1,365**	**10.7%**
Vốn điều lệ	635	635	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)